

PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TUỒNG QUA CÁC THIẾT KẾ MỸ THUẬT ỨNG DỤNG

Nguyễn Mai Linh¹, Bùi Dương Nhật Nam²
Nguyen Mai Linh¹, Bui Duong Nhat Nam²

Trường đại học Kinh tế tài chính, thành phố Hồ Chí Minh, linhnm22@uef.edu.vn
Trường đại học Kinh tế tài chính, thành phố Hồ Chí Minh, nambn21@uef.edu.vn

Tóm tắt: Nghệ thuật sân khấu Tuồng ra đời từ rất lâu và hiện nay nghệ thuật này vẫn được lưu giữ và truyền cho các thế hệ sau. Các yếu tố âm nhạc, hình ảnh, mỹ thuật,... chúng hòa hợp với nhau một cách nhịp điệu tạo nên Tuồng; đây là một nét đẹp khó có thể diễn tả được. Bài viết này không chỉ cho người đọc thấy rõ nét đẹp tiềm ẩn của Tuồng mà còn là một lời nhắn gửi đến thế hệ trẻ chúng ta nói riêng và con người Việt Nam chúng ta nói chung.

Từ khóa: nghệ thuật Tuồng, truyền thống, văn hóa, Mỹ thuật Việt Nam.

Abstract: Tuong has established from a long time ago and still preserved to pass down on the younger generations afterward. Music, picture, art,... they combined harmoniously which create Tuong. This is a astounding beauty which can not only be described by words. This essay not only shows the readers the magnificence of Tuong but also deliver a message to the younger generation specifically and Vietnamese in general.

Keywords: Tuong art, tradition, culture, Vietnamese fine arts

1. Giới thiệu

Tuồng là một dạng nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Việt Nam, chủ yếu được biểu diễn trong các dịp lễ hội truyền thống và diễn ra trên sân khấu. Đây là một cách diễn đạt nghệ thuật kết hợp giữa hội họa, âm nhạc, vũ đạo và diễn xuất. Nội dung của các vở Tuồng thường lấy từ các trận đánh lịch sử, những câu chuyện tình yêu hoặc những câu chuyện cổ tích. Các diễn viên Tuồng thường phải học thuộc lòng nhiều bài thơ để diễn thuật và phải học nhiều cử chỉ để thể hiện nội dung của câu chuyện. Thế nhưng cho đến bây giờ, đối với xã hội hiện đại, nghệ thuật sân khấu Tuồng dần bị mất đi sự thích thú của thế hệ trẻ. Sự cuốn hút của Tuồng không còn mạnh như xưa và vẫn chưa tìm ra giải pháp để có thể giúp nền nghệ thuật này phát triển trở lại. Đâu đó vẫn có những người còn chú ý đến chủ đề này, ứng dụng các hình ảnh diễn viên sân khấu Tuồng vào thiết kế: poster, vé, móc khóa, lịch,... Vì vậy, Tuồng là một phần không thiếu trong nền văn hóa Việt Nam ta và luôn được gìn giữ, phát triển cho đến sau này.

2. Nghệ thuật Tuồng là một nét đẹp văn hóa

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Tuồng

Tuồng là một bộ môn nghệ thuật sân khấu tổng hợp có các yếu tố văn học, âm nhạc, mỹ thuật, múa,... tham gia. Để phân biệt với các loại kịch nói, kịch múa, kịch câm, opera,... nghệ thuật biểu diễn này được xếp vào loại kịch hát dân tộc. Vì cũng như ở nghệ thuật sân khấu chèo, cải lương,... tỉ lệ ca hát theo kiểu dân tộc ở đây chiếm phần đáng kể.

Tuồng còn được gọi là hát bộ hoặc hát bội. “Bộ” trong hát bộ bắt nguồn từ việc hát có điệu bộ, có trò trống, được hình thành từ cách gọi của dân gian. Về từ “bội” có ý kiến cho rằng từ

này xuất phát trong từ “bội độc”, nghĩa là “ôn bài mà không cần sách”. Miền Trung, Nam phổ biến gọi là “bội” hoặc “bộ”, miền bắc gọi là “Tuồng”.

Có giai đoạn Tuồng được phân loại thành: Tuồng thầy (mẫu mực), tuồng ngự (cho vua xem), tuồng cung đình (diễn trong hoàng cung), tuồng pho (nhiều hồi diễn nhiều đêm), tuồng đồ (phóng tác, không có trong sử sách), tuồng tân thời (chuyển thể từ các tiểu thuyết); nhưng tựu chung có thể chia làm hai loại tuồng kinh điển và tuồng dân gian. Khác với các loại hình sân khấu khác như chèo, cải lương... Tuồng cổ mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lễ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, trong đó, chất bi hùng được coi là một đặc trưng thẩm mỹ của loại hình nghệ thuật truyền thống này.

❖ Lịch sử hình thành

Có 3 nhận định và giả thuyết chính nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu:

- Tuồng ra đời từ thời Trần thế kỷ XIII trên cơ sở kép hát từ binh Trung Quốc Lý Nguyên Cát truyền dạy cho Việt Nam

Vào thế kỷ XII, quân Nguyên Mông xâm lược nước ta. Vào năm 1285, quân ta đại thắng quân địch ở trận Tây Kết và bắt được một kép hát người Tống tên Lý Nguyên Cát đi theo phục vụ cho đội quân xâm lược. Hắn được giữ lại và lập một ban múa hát để mua vui cho nhà Trần. Lý Nguyên Cát dựa trên các truyện cổ làm ra các Tuồng tích hát theo điệu phương Bắc, rồi sau đó dạy lại cho các diễn viên Việt Nam. Từ đó, nhiều người cho rằng Tuồng của nước ta bắt đầu từ đây, ảnh hưởng từ Hí kịch của nhà Nguyên.

- Tuồng ra đời từ thế kỷ XVII tại Bình Định do Đào Duy Từ dạy cho người dân nơi đây và sau đó được lan truyền khắp cả nước.

Theo lịch sử, Đào Duy Từ (1572 – 1634) là người đầu tiên đặt nền móng cho nghệ thuật Tuồng của nước ta khi ông mang hình thức sân khấu này vào Đàng Trong theo chúa Nguyễn. Xuất thân là người Thanh Hóa, Đào Duy Từ là con trai của Đào Tá Hán, một xướng hát chuyên nghiệp. Tuy học rộng, biết nhiều nhưng do là con nhà phùng Cjep, ông đã không được đi thi, trốn vào Đàng Trong phục vụ chúa Nguyễn. Trong thời gian sống tại Bình Định, ông đã dạy cho người dân cách diễn Tuồng. Tương truyền ông đã từ Chèo và các hình thức diễn xướng dân gian ở miền Bắc mà đã xây dựng nghệ thuật Tuồng ở Đàng Trong và sáng tác ở miền Bắc mà đã xây dựng nghệ thuật Tuồng ở Đàng Trong và sáng tác vở “Sơn Hậu”. Điều này tuy đáng chú ý nhưng hiện tại vẫn chưa có tài liệu, dấu tích nào có thể xác minh được tác giả của vở này.

- Tuồng ra đời vào khoảng thế kỉ XVI và XVII từ các trò diễn sân khấu phát triển lên

Trong “Sở thảo lịch sử Tuồng”, theo giáo sư Hoàng Châu Ký cho rằng những nghệ thuật sân khấu được ghi chép lại được thời Lê Sơ chỉ là “bộ phận tiền thân của nghệ thuật Tuồng chứ chưa phải là nghệ thuật Tuồng, cũng có thể nói một cách khác là nó là nguồn gốc chính và gần gũi nhất của nghệ thuật Tuồng và cả Chèo”.

Vậy có thể thấy rõ rằng tới thế kỷ XVIII nghệ thuật Tuồng đã đạt đến trình độ sân khấu khá cao. Cuối cùng, giáo sư Hoàng Châu Ký đã kết luận lại như sau: “Nhắc lại rằng ở phần trên chúng tôi đã nêu ý kiến, cho rằng nghệ thuật sân khấu thời Lê sơ chưa phải là Tuồng, đến thế kỷ XVIII thì Tuồng đã khá hoàn chỉnh. Vậy thời điểm hình thành của nó chỉ là ở vào khoảng các thế kỷ XVI và XVII.”

❖ Lịch sử phát triển

- Thời kì phong kiến

Từ thế kỷ XV, nhà Lê quan niệm nghệ thuật sân khấu là trò du hí tiêu nhân. Do vậy, tuy là người có tài, danh sĩ Đào Duy Từ vẫn bị cấm thi cử vì xuất thân trong gia đình “xướng ca vô loại”. Ông trốn vào Đàng Trong và được chúa Sãi[vô cùng trọng dụng. Ông chính là người đã có công lớn trong việc phát triển Tuồng ở nơi đây. Và từ đó, bộ môn nghệ thuật này trở nên vô cùng phát triển tại Đàng Trong do đối với các chúa và vua Nguyễn Tuồng là một công cụ tuyên truyền đầy hấp dẫn cho hệ thống chính trị và đạo đức mà họ đề cao.

Tuồng càng phát triển cực thịnh dưới thời vương triều Nguyễn. Các công trình, cơ quan thuộc cung đình chỉ dành riêng cho Tuồng được xây dựng và thành lập: Thanh Bình từ đường (1825) – nhà thờ tổ của ngành hát bội nói riêng, của giới sân khấu Việt Nam nói chung; Thanh Bình thự – cơ quan quản lý việc múa hát cung đình và đào tạo nghệ nhân; Duyệt Thị đường (1826) – nhà hát Tuồng quốc gia được xây dựng quy mô trong Tử Cấm thành. Thú vị hơn, chính vua Minh Mạng đã trực tiếp tham gia vào viết kịch bản cho cho một đoạn trong vở Tuồng “Quần tiên hiến thọ”. Trong giai đoạn này, triều đình còn mời một kép hát người Hoa là Càn Cương Hầu tới kinh đô dạy điệu hát khách, làm phong phú thêm phần âm nhạc của nghệ thuật Tuồng.

Khi vua Tự Đức lên ngôi, Tuồng lại được nâng cao hơn và hoàn bị về nhiều phương diện. Ông cho xây thêm nhà hát Tuồng Minh Khiêm đường trong Khiêm cung (tức lăng Tự Đức), chiêu tập kép hay với đào đẹp về Phú Xuân, tổ chức “Ban hiệu thư” chuyên sáng tác, hiệu đính, nhuận sắc kịch bản Tuồng. Nếu trước kia, mỗi vở Tuồng chỉ từ 1 đến 3 hồi thì đến giai đoạn này đã xuất hiện những vở “kỳ vĩ trường thiên” như Học lâm gồm 20 hồi, Vạn bửu trình tường gồm 216 hồi có thể kéo dài tới mấy năm trời. Về sau, Tuồng tiếp tục được ưa chuộng bởi các vị vua Triều Nguyễn.

- Thời kì cận đại

Bước sang thế kỷ XX, Tuồng vẫn giữ vai trò “quốc kịch”. Giáo sư Nguyễn Lộc viết trong sách Nghệ thuật hát bội Việt Nam (NXB Văn Hoá, Hà Nội, 1994): “Có thể nói trong suốt thế kỷ XIX cũng như trước đó và non hai thập niên đầu của thế kỷ XX, hát bội gần như chiếm độc quyền trên toàn bộ sân khấu biểu diễn ở nước ta. Trong thời kỳ này ta biết ở đồng bằng Bắc Bộ còn có chèo và múa rối. Nhưng cả hai loại hình sân khấu này đều là sân khấu dân gian và nó cũng chỉ tồn tại ở nông thôn miền Bắc chứ chưa bao giờ có quy mô toàn quốc như hát bội.”

Song song với dòng Tuồng cung đình/Tuồng ngự, dòng Tuồng dân gian vẫn tiếp tục nảy nở tạo vẻ đẹp thú vị và phù hợp thị hiếu đại đa số quần chúng – trong đó có lắm vở Tuồng hài đã làm sân khấu hát bội sôi động hẳn nhờ gắn bó với hiện thực cuộc sống “bụi bặm đời thường”.

Trong giai đoạn 1930 – 1945, Tuồng ảnh hưởng khá nhiều bởi các tác phẩm văn học lãng mạn. Những vở gọi là “Tuồng tiểu thuyết” mang cốt truyện tình yêu nam nữ thị dân éo le, mùi mẫn, trở thành gu thời thượng. Không ít gánh Tuồng tìm cách thu hút khán giả bằng cách “cải lương hoá” và cả “kịch nói hoá” nghệ thuật hát bội cổ truyền.

Từ năm 1954, nghệ thuật Tuồng thịnh suy. Ở miền Bắc, sau một số năm cấm diễn Tuồng vì xem đây là “sản phẩm phong kiến”, Nhà nước đã chủ trương phát huy văn hoá dân tộc và quan tâm đến các bộ môn hát bội, chèo, cải lương. Nhà hát Tuồng Việt Nam được thành lập năm 1959 tại Hà Nội, sau đổi tên thành Nhà hát Tuồng trung ương. Tuồng được giảng huấn trong trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn. Khi cần giới thiệu Tuồng Việt với

quan khách nước ngoài tại Manila (Philippines) hoặc Hội chợ quốc tế Osaka (Nhật Bản), chính quyền Sài Gòn đã cử đoàn Ba Vũ từ Huế xuất ngoại trình diễn.

Giai đoạn bấy giờ, đầu gặp lắm khó khăn do thời cuộc bất ổn, các công trình khảo tả và nghiên cứu về Tuồng vẫn được xúc tiến. Vào năm 1976, ngay sau khi hai miền thống nhất, Hội diễn Tuồng toàn quốc đã được tổ chức tại Bình Định. Hàng chục đoàn Tuồng từ nhiều tỉnh thành khắp ba miền đất nước lần đầu tiên hân hoan gặp gỡ, giao lưu.

Nhà hát nghệ thuật hát bội TP.HCM hiện nay, vốn là Đoàn nghệ thuật hát bội TP. HCM ra đời năm 1977 đã tập hợp được nhiều diễn viên Tuồng “gạo cội” (Năm Đồ, Ba Út, Lê Khanh,...) và có các tác giả thường trực là Đỗ Văn Rỡ và Đinh Bằng Phi. Năm 1979, băng ghi âm trích đoạn vở Phi Long tiền chồng do NSND Năm Đồ diễn cùng NSƯT Châu Ký đem lại thành công vang dội: đoạt giải thưởng Hội đồng Âm nhạc thế giới thuộc UNESCO. Năm 1993, tại Liên hoan các trích đoạn Tuồng hay toàn quốc tổ chức ở Huế, đơn vị này dẫn đầu về số lượng huy chương vàng.

- Thời kì hiện đại

Tuồng vẫn tiếp tục được coi là một trong những nghệ thuật sân khấu cổ truyền bác học và đặc sắc nhất của Việt Nam cũng như vẫn nhận được những sự chú ý của bạn bè quốc tế. Tuồng cũng là một trong những chủ đề mà các học sinh, sinh viên hay quan tâm đến.

Tuy nhiên, hiện nay, nghệ thuật Tuồng ngày càng có nguy cơ bị mai một do thiếu đi sự quan tâm của cộng đồng nói chung và giới trẻ nói riêng. Vì thế hệ trẻ không dành sự quan tâm hết mực đến Tuồng, không phải là một chủ đề nóng để thu hút ánh nhìn của khán giả.

2.2. Vai trò và đặc điểm của Tuồng

❖ Vai trò

Tuồng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nó không chỉ là một loại hình nghệ thuật truyền thống mà còn là một phần không thể tách rời của cuộc sống văn hóa xã hội. Tuồng góp phần quan trọng trong việc truyền đạt và bảo tồn kiến thức lịch sử, văn hoá và truyền thống dân tộc qua các tác phẩm nghệ thuật.

Ngoài ra, Tuồng là loại hình nghệ thuật có thể mạnh trong việc khai thác các đề tài lịch sử nên rất phù hợp với các sinh viên, học sinh nói riêng và môi trường trường học nói chung. Việc được tiếp cận sự kiện, nhân vật lịch sử thông qua các trích đoạn tuồng là biện pháp hiệu quả giúp học sinh, sinh viên tiếp thu lịch sử một cách tự nhiên, hào hứng.

Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lễ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của Tuồng.

Ngoài những vai trò trên, Tuồng còn là nguồn cảm hứng cho những tác phẩm văn học, điện ảnh, âm nhạc và mỹ thuật khác. Nó đã ảnh hưởng tích cực đến nền văn hóa và nghệ thuật Việt Nam qua nhiều thế hệ.

Trong những ngày hội hè, tế, lễ, nhân dân thường tổ chức những trò diễn xướng dân gian, nội dung thoả mãn tình cảm, nguyện vọng của dân chúng. Mỗi quan hệ giữa sân khấu với người xem gần gũi, thân thiết, khán giả cùng giao lưu, tưởng tượng, khích lệ diễn viên sáng tạo làm cho buổi biểu diễn phong phú, hấp dẫn và hoàn chỉnh khung cảnh nghệ thuật. Sân khấu Tuồng biến không thành có, biến cái hạn chế thành cái vô hạn. Cùng với người diễn viên, cảnh tượng sân khấu hiện dần lên, địa điểm, thời gian vở Tuồng được xác định. Bằng

các phương tiện hát, múa và nhạc đệm, nghệ thuật biểu diễn của diễn viên Tuồng làm sáng tỏ ý nghĩa của câu chuyện, tạo ra sự khoái cảm về thẩm mỹ của trí tuệ...

❖ **Đặc điểm**

Hát tuồng có nhiều đặc điểm riêng biệt, như sử dụng những giọng ca cổ truyền, sử dụng các vật dụng trên sân khấu để tạo ra âm thanh, ánh sáng và không gian cho câu chuyện, và sử dụng trang phục truyền thống để tạo ra sự hoành tráng và huyền bí cho vở kịch.

Ngoài ra, nghệ thuật hát tuồng cũng có các chủ đề nội dung đa dạng, từ những câu chuyện lịch sử, văn học, đến những câu chuyện dân gian và tình cảm. Từng tác phẩm hát tuồng đều có một kịch bản rõ ràng, các nhân vật có tính cách riêng và truyền thông điệp sâu sắc, thường được biểu diễn qua các màn đối thoại, ca hát và vũ đạo.

- Phong cách biểu diễn: Nghệ thuật hát tuồng có phong cách biểu diễn đặc trưng, thường sử dụng những động tác tay, chân và thân thể để thể hiện tâm trạng và nội dung của vai diễn.
- Trang phục và trang điểm:

Trang phục và trang điểm trong nghệ thuật hát tuồng cũng có những đặc điểm riêng. Gồm đủ thứ như: mũ (mào), áo, xiêm, giáp (măng), khăn, nón chóp (quân binh), thắt lưng, đai, hia, hũng,... Khác với những yếu tố mang tính tượng trưng khác trong sân khấu Tuồng, trang phục thường phản ánh đúng bối cảnh lịch sử của từng kịch bản.

Các y phục thường dùng trên sân khấu hát bội là:



Hình 1. Một số trang phục Tuồng được in trên tem (Ảnh Vietstamp)

Mỗi diễn viên đều phải biết tự vẽ mặt cho mình. Bộ hoá trang của họ sẽ bao gồm son, phấn lọ, ngân (một loại bột màu đỏ pha vàng), bột màu xanh, vàng, với các dụng cụ tăm, móng (giống hình dạng cái muỗng móc sâu vào trong, đầu kia bào giống như mái dầm, dùng để trát phấn, ngân và vẽ nét lọ), cùng một số cọ và bút lông.

Màu da mặt:

- Mỗi nhân vật, mỗi nhân cách sẽ được thể hiện bằng một màu mặt khác nhau: Mặt màu đỏ son hay ngân: tượng trưng cho người anh hùng, nghĩa khí, trung liệt.



Hình 2. Một nhân vật mang mặt nạ đỏ (Ảnh: Báo Hôm nay)

- Mặt màu trắng mốc, mặt màu xám hoặc hồng lợi: tượng trưng cho kẻ gian thần, nịnh thần.



Hình 3. Nhân vật Tào Tháo (Ảnh: Đức Huy)

- Mặt vàng đen, trắng: tượng trưng cho người trung trực, bộc trực, tính nóng, vai tướng Võ.



Hình 4. Nhân vật Tả Ôn Đĩnh (Ảnh: Đài Tiếng nói Việt Nam)

Tóm lại , màu đỏ tượng trưng cho người anh hùng nghĩa khí, trung kiên. Màu xanh lơ, xám, trắng bệch là tượng trưng cho lũ gian ác, ti tiện, nham hiểm. Nhiều màu vẽ pha trộn, xen kẽ lẫn nhau là tượng trưng cho lũ yêu ma, quỷ sứ.

Ngoài mặt nạ là đặc điểm nổi bật nhất ở diễn viên Tuồng, còn có tóc, lông mày, râu, mắt, trán, miệng.

2.3. Những khó khăn và thách thức của Tuồng

Nghệ thuật sân khấu Tuồng truyền thống hiện nay ở trong một chuỗi khó khăn chưa tìm ra lời giải đáp để tháo gỡ, từ "đầu vào" là kịch bản hay, diễn viên tốt, đạo diễn giỏi đến "đầu ra" là kịch mục hấp dẫn và có đông đảo khán giả.

❖ Tác giả kịch bản như "kim đáy bể".

Cốt lõi của bất kỳ bộ môn nghệ thuật sân khấu nào luôn là kịch bản tốt. Nhưng lâu nay, số lượng tác giả viết riêng kịch bản cho sân khấu Tuồng trên cả nước có lẽ chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Ngay nay Nhà hát Tuồng Việt Nam cũng không có riêng tác giả viết kịch bản. Ở miền trung, Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định và Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Khánh Hòa còn hai tác giả viết kịch bản tuồng nhưng là kiêm nhiệm vì công việc của họ gắn với sân khấu dân ca bài chòi nhiều hơn.

Thông tin từ Nhà hát Tuồng Việt Nam cho biết, các vở diễn hiện nay của Nhà hát đều được chuyển thể từ kịch nói, chèo hoặc cải lương, chứ không có vở diễn nào được dựng từ kịch bản mới viết riêng cho Tuồng. Nếu như trước kia, Nhà hát có nhiều sự lựa chọn từ các tác giả tên tuổi như Tống Phước Phổ, Kính Dân, Xuân Yển, Sơn Yển, Hoàng Đức Anh, Thùy Linh... thì giờ đây, các kịch bản viết cho Tuồng cỡ như các tác giả vừa kể không kiếm đâu ra. Có thể có kịch bản nhưng không đủ sức hấp dẫn.

Thực tế, viết kịch bản cho sân khấu Tuồng truyền thống lâu nay là công việc khó khăn bởi nội dung mà xưa quá hay, lãng mạn, giàu chất thơ, giàu ẩn ý thì lại không hợp với nhu cầu khán giả cũng như không gắn với vấn đề thời cuộc. Trong khi đó, riêng với sân khấu Tuồng, người biên soạn kịch bản còn cần am hiểu văn học cổ. Bên cạnh đó, người viết còn cần có kiến thức sâu về các thể thức trong nghệ thuật tuồng, phải thuộc các làn điệu tuồng, bố cục, kết cấu của sân khấu tự sự... Vì vậy, để có được một soạn giả cho sân khấu Tuồng là cả một kỳ công và tự thân người đó phải quyết tâm, nỗ lực là chính. Nhưng điều mâu thuẫn lại ở chỗ, yêu cầu thì cao nhưng tiền chi trả nhuận bút cho một kịch bản Tuồng lại quá thấp, không xứng với công sức đầu tư của tác giả. Đã có một so sánh: với cùng khoảng thời gian, tác giả viết kịch bản cho các chương trình ca nhạc, kịch nói sẽ được nhiều tiền hơn và tên tuổi được biết tới gấp nhiều lần so với... một kịch bản tuồng. Không khó hiểu khi lâu nay, ở cái nôi đào tạo các tác giả cho nền nghệ thuật nước nhà là Trường đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội cũng chỉ đào tạo các nhà biên kịch cho điện ảnh, sân khấu kịch nói.

❖ Loay hoay tìm giải pháp

Đi tìm kịch bản đã khó, chi phí cho dàn dựng vở tuồng lại thuộc loại cao nhất trong các loại hình sân khấu, do khâu đầu tư phục trang, sân khấu yêu cầu khắt khe hơn. Thế nhưng, vở diễn lại ít có khán giả chịu bỏ tiền ra mua vé vào xem. Thói quen xem sân khấu miễn phí vẫn chưa được xóa nhòa. Chương trình biểu diễn các trích đoạn tuồng kinh điển tại rạp Hồng Hà (Hà Nội) thường chật kín khán giả, nhưng là các chương trình chỉ phát vé mời, không kinh doanh. Trong đó, khán giả trẻ chiếm đa số. Làm thế nào để khán giả chịu bỏ tiền ra mua vé xem các vở diễn - đây là câu hỏi mà Nhà hát Tuồng Việt Nam đang lúng túng tìm câu trả lời.

Bên cạnh đó, nguồn diễn viên cho Nhà hát cũng đã và đang là vấn đề nan giải. Trường đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội chỉ đào tạo diễn viên tuồng đến hệ trung cấp theo đề án phối hợp với Nhà hát Tuồng Việt Nam, mỗi khóa đào tạo thường cách xa nhau 10 năm, trong khi hệ đào tạo đại học cho diễn viên chèo, cải lương diễn ra hằng năm, bổ sung nguồn nhân lực dồi dào cho các nhà hát truyền thống. Chính bởi tầm bằng hệ trung cấp nên sau khi ra trường, diễn viên có mức lương khởi điểm rất thấp. Đời sống diễn viên khó khăn nên nhiều người dù đã có biên chế nhà nước cũng đành bỏ nghề để theo đuổi các công việc có thu nhập cao hơn.

Mỗi năm, Nhà hát cấp quốc gia này chỉ phục dựng một vở được xếp vào hạng kinh điển để giữ gìn tinh hoa nghệ nghiệp và dựng một vở mới. Kinh phí không dồi dào để dựng nhiều vở, "vội lại, có dựng nhiều vở mới cũng không có khán giả" - ông Phạm Ngọc Tuấn, Giám đốc Nhà hát Tuồng Việt Nam bày tỏ.

❖ **Khó khăn trăm bề**

Được hình thành trên cơ sở ca vũ nhạc và các trò diễn xướng dân gian vốn có từ lâu đời và rất phong phú của dân tộc, đến cuối thế kỷ XVIII, Tuồng đã phát triển một cách hoàn chỉnh từ kịch bản văn học đến nghệ thuật biểu diễn, có vị trí quan trọng trong sinh hoạt văn nghệ ở cung đình, thậm chí trở thành quốc kịch dưới triều vua Tự Đức.

Tuy nhiên, sau khoảng thời gian phát triển mạnh mẽ, nghệ thuật Tuồng dần dần bị mai một. Tại hội thảo khoa học “Nghệ thuật Tuồng trong đời sống văn hóa hiện nay” tổ chức hồi cuối tháng 7-2012, các nhà nghiên cứu, nghệ sĩ gắn bó tâm huyết với nghệ thuật Tuồng đã nêu ra những khó khăn của Tuồng trong thời đại mới.

NSND Lê Đức Thọ cho biết, một trong những khó khăn trong việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật tuồng trong thời kỳ mới là công tác phục hồi các vở tuồng truyền thống cần sự đầu tư tốn kém.

Bên cạnh đó, do đặc thù ngôn ngữ nghệ thuật, kịch bản Tuồng thường sáng tác theo lối văn biền ngẫu, cùng với khó khăn về kinh phí, hoạt động sáng tác kịch bản tuồng chưa thể phát triển được

Không những thế, đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên tuồng ngày càng ít đi. Do không được đảm bảo về chế độ, nhiều nghệ sĩ, diễn viên tuồng dù yêu nghề vẫn phải ngậm ngùi dứt nghiệp để lo cuộc sống mưu sinh. Trong khi đó, đội ngũ nghệ sĩ trẻ lại chưa đáp ứng được nhiều yêu cầu khắt khe khi diễn những vở tuồng khó.

Vậy liệu khán giả trẻ có hiểu “Tuồng” là gì không?

Đó là một thực trạng đáng buồn đối với sân khấu Tuồng ở Việt Nam. Hầu hết, các khán giả ở độ tuổi thanh niên đều không có chút kiến thức cơ bản nào về nghệ thuật Tuồng dẫn đến không mặn mà với sân khấu Tuồng. Có những đêm diễn tuồng, lượng khán giả ở các rạp chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Theo các nhà nghiên cứu, nguyên nhân dẫn đến tình trạng “khủng hoảng” khán giả ở sân khấu tuồng bao gồm cả yếu tố chủ quan và khách quan.

Trong đó, yếu tố chủ quan nằm ở chính chất lượng của các vở tuồng. Nhiều vở tuồng mang tính cổ điển, khuôn mẫu của chế độ phong kiến đã không còn phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ hiện nay của khán giả.

Còn nguyên nhân khách quan dễ nhận thấy là sự phát triển của nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật, vui chơi, giải trí đa dạng, hấp dẫn đã khiến nhiều khán giả không quan tâm đến những loại hình nghệ thuật truyền thống như: Tuồng, chèo, cải lương...

Thời gian qua, các sân khấu truyền thống nỗ lực tìm hướng đổi mới để đưa nghệ thuật tuồng đến với khán giả trẻ. Tuy nhiên, hiệu quả vẫn chưa như kỳ vọng. Nói về vấn đề này, Nghệ sĩ Ưu tú Vũ Thị Hảo, Phó giám đốc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Thanh Hóa, Trưởng đoàn tuồng cho biết: So với các loại hình sân khấu truyền thống khác, thì hiện nay nghệ thuật tuồng gặp khó khăn hơn rất nhiều. Bởi loại hình này vốn đã kén khán giả, nay lại thêm sự nở rộ của các loại hình giải trí hiện đại, làm cho tuồng dần mất chỗ đứng. Trong khi, lực lượng trẻ lại không mấy mặn mà để theo đuổi loại hình nghệ thuật này. Đoàn tuồng của

nhà hát hiện có 32 diễn viên, nhạc công, kỹ thuật. Những năm qua, đội ngũ này đã góp sức không nhỏ trong việc truyền nghề, đào tạo thế hệ nghệ sĩ trẻ, sáng tác kịch bản. Thế nhưng, trong vài năm trở lại đây đoàn tuồng không tuyển thêm được diễn viên nào, một phần do cơ chế, phần do lớp trẻ cũng không muốn theo nghề. Trong khi, lứa trẻ nhất của đoàn tuồng hiện nay cũng từ 35 tuổi trở lên. Trong tương lai, 5 năm nữa không tuyển thêm được lực lượng kế cận thì hoạt động của đoàn tuồng sẽ dễ rơi vào tình trạng “đứt đoạn” và khi đó sẽ không còn “thầy già, con hát trẻ”.

Khi nói về việc đưa nghệ thuật tuồng đến với lớp trẻ, không ít nhà quản lý văn hóa đều bày tỏ quan điểm: tuồng là loại hình nghệ thuật có thể mạnh trong khai thác các đề tài lịch sử nên rất phù hợp giới thiệu tại các trường học. Bởi vậy, việc cần làm nhất đó là đưa nghệ thuật Tuồng vào sân khấu học đường. Đây chính là cách quảng bá hiệu quả, giúp các em có cơ hội tiếp xúc và thêm yêu mến loại hình nghệ thuật này, từ đó có ý thức hơn trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và quảng bá giá trị đặc sắc của tuồng.

Canh cánh trong lòng nỗi niềm bảo tồn và phát triển nghệ thuật tuồng, không ít nghệ nhân, diễn viên tâm huyết với tuồng cho rằng: Muốn Tuồng khởi sắc ngoài việc quan tâm thu hút, đào tạo lực lượng trẻ kế cận, cần hơn hết là việc đầu tư kinh phí cho những công trình sáng tác, dàn dựng và biểu diễn để có được những vở diễn hay, những tác phẩm gây ấn tượng, có tiếng vang trong lòng công chúng. Cùng với đó, các nghệ sĩ, diễn viên bằng khả năng, tâm huyết hãy chung tay bảo tồn, duy trì và phát triển tuồng, một loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc của dân tộc.

3. Ứng dụng của nghệ thuật Tuồng trong các sản phẩm thiết kế

3.1. Các sản phẩm trên thị trường thiết kế

3.1.1. Dự án minh họa mang tinh hoa nghệ thuật con bội vào con chữ



Trong nhịp sống hiện đại ngày nay, sân khấu hát bội dần mất đi sự quan tâm của giới trẻ nói riêng và con người nói chung. Hình thức ca-vũ-nhạc dân gian cũng mang tính ước lệ và tượng trưng cao, khiến người xem ngày nay cảm thấy khó khăn trong việc cảm thụ.

Với mong muốn bảo tồn loại nghệ thuật này, một sinh viên đến từ trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM đã thực hiện dự án mang tên “Bội Tử”, bao gồm bộ typography (thiết kế font chữ) và vẽ minh họa.

“Bội Tử” được hiểu nghe nghĩa nghệ thuật hát bội thể hiện qua ký tự.

Yếu tố thứ nhất là typography, được thể hiện qua một bộ font lấy cảm hứng từ hát bội. Trong đó có sự tương phản mạnh giữa các nét thanh đậm; các nét móc nhọn kéo dài có hình dáng tương tự lông chim trĩ được dùng trong trang phục biểu diễn.

Yếu tố thứ hai là vẽ minh họa, được cách điệu theo hình dạng của chữ cái để lồng ghép những hình ảnh đặc trưng của hát bội như đạo cụ, lễ phục, sân khấu, v.v.

3.1.2. Poster vở Tuồng cổ San Hậu chất liệu trúc chỉ đoạt giải thưởng Mỹ



Trúc chỉ – một loại hình nghệ thuật do người Việt sáng tạo – đã lần đầu được xướng danh quốc tế.

Tại cuộc thi do tạp chí Graphic Design USA (Mỹ) tổ chức quy tụ gần 10.000 tác phẩm tham gia, bộ poster liên hoàn vở tuồng cổ San Hậu với chất liệu trúc chỉ đoạt giải thưởng American Graphic Design Award 2017 (Giải thiết kế đồ họa Mỹ) ở hạng mục Student design (sinh viên thiết kế).

Tác phẩm đoạt giải thưởng nói trên thuộc dự án Nghệ thuật trúc chỉ Việt Nam của cô gái quê Quảng Ngãi Đặng Thị Bích Ngọc, 23 tuổi.

Đây là một loại hình di sản của quốc gia nên bản thân bộ môn nghệ thuật này cũng có tiếng nói thiêng liêng cần phải giữ gìn và quảng bá. Bộ poster liên hoàn vở tuồng cổ San Hậu mà Ngọc mang đi dự thi thiết kế bốn khuôn mặt nhân vật đặc trưng cho tinh thần vở diễn, gồm: Khương Linh Tá – dũng tướng, bọc trụ; Tạ Ôn Đình – phản Tề, dữ dằn; Phàn Định Công – lão tướng, trung can, nghĩa khí và Phàn Diệm – con trai tướng Phàn, cổ quái, phi thường. Theo họa sĩ thiết kế Nguyễn Tri Phương Đông – người cũng từng đoạt giải thưởng của tạp chí Graphic Design USA ở hạng mục Editorial design năm 2014 cho rằng sự thành công của Bích Ngọc là ở chỗ kết hợp “2 trong 1” yếu tố truyền thống. Đó là cách tôn vinh văn hóa Việt thông qua sự kết hợp một loại hình nghệ thuật truyền thống (tuồng) với một loại hình nghệ thuật mới được tiếp biến từ truyền thống (trúc chỉ). Nét đặc biệt ở đây là sử dụng trúc chỉ làm ngôn ngữ chất liệt miêu tả tác phẩm nhằm gây sự chú ý đến người xem. Sử dụng hình ảnh nghệ thuật sân khấu làm đề tài để gây hiệu ứng ánh sáng mạnh. Nếu tách riêng hai yếu tố này, mỗi yếu tố chỉ mang một tính chất riêng lẻ. Nhưng khi kết hợp chúng với nhau, tạo ra một tác phẩm vô cùng thú vị.



3.1.3. Bộ nhận diện thương hiệu Tuồng Việt.

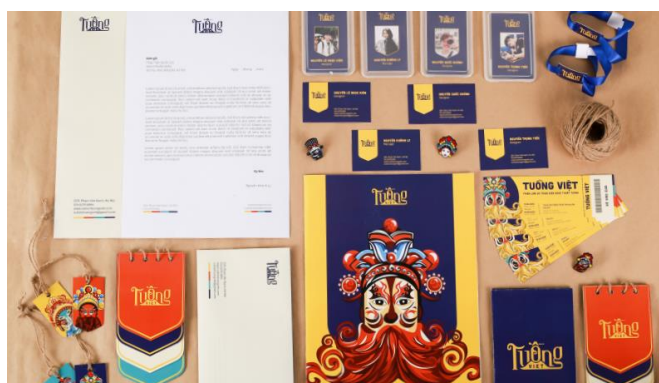
HỘI THẢO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN KHOA CNTT LẦN 1 NĂM 2024

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG THỜI ĐẠI 4.0



Theo xu hướng hiện nay, “đề tài” mà giới trẻ thường hay chú ý đa phần là các đề tài hiện đại, mang khuynh hướng tương lai. Những đề tài về văn hóa, mang tính truyền thống, dân gian lại ít được cân nhắc đến với những lý do như khó thực hiện, mất nhiều thời gian nghiên cứu tìm hiểu, tốn nhiều công sức và lo ngại không thể làm tốt. Đi ngược lại với số đông “Tuồng Việt” ra đời trên tinh thần mong muốn gìn giữ và cũng như lan tỏa những tinh hoa văn hóa truyền thống tới thế hệ trẻ, đồng thời thử thách khả năng sáng tạo và năng lực của bản thân ở một đề tài tưởng quen mà lạ.

Với niềm đam mê với những bộ môn nghệ thuật xưa cũ nên nhóm các sinh viên “Tuồng Việt” đã bắt tay nhau thực hiện dự án thiết kế với đề tài nghệ thuật sân khấu “Tuồng”. Đây là một đề tài khó, cần phải nghiên cứu kỹ càng; khi chấp nhận lựa chọn đề tài này đồng nghĩa với việc nhóm chấp nhận thử thách và mạo hiểm để xây dựng nên một dự án mang nét truyền thống xưa cổ của Việt Nam.



❖ Trở ngại lớn nhất mang tên Logo.

Có thể nói logo chính là “linh hồn” của cả bộ sản phẩm, thông qua logo chúng ta có thể biết được tên, thông điệp và tính cách của thương hiệu. Đó là lý do logo chính là phần khó nhằn nhất trong cả quá trình làm đồ án. Với trình tự thực hiện đồ án thông thường, các nhóm sẽ chốt đề tài, rồi tới triển khai logo và cuối cùng là bộ văn phòng và các ấn phẩm quảng cáo. Tuy nhiên với Tuồng Việt nhóm đã có một quyết định khá táo bạo: “Khi tới logo nhóm mình thực sự gặp khó khăn vì bí ý tưởng, chính vì vậy nhóm quyết định sẽ làm ngược lại, tìm hiểu và hoàn thiện toàn bộ ấn phẩm văn phòng, bộ quảng cáo trước rồi mới dồn sức vào logo vì chúng mình tin khi làm những ấn phẩm đó chúng mình sẽ tìm ra được những gì đặc trưng nhất và cô đọng nó một cách hiệu quả vào logo. Và quyết định này cũng đồng nghĩa với việc chấp nhận mạo hiểm, chậm deadline và nếu logo hỏng thì toàn bộ bộ sản phẩm coi như...toang.”.



❖ Logo Tuồng Việt.

Một cái nhìn đầy đủ và sự tìm hiểu sâu kỹ về đề tài là chính điều kiện tiên quyết để có một project tốt. Đặc biệt là với một loại hình nghệ thuật truyền thống như thế này, rất cần sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng từ nội dung tới phương thức thể hiện.

❖ Có thử thách mới có cố gắng.

“Vạn sự khởi đầu nan” nhưng có lẽ vẫn là những thử thách lớn, khó khăn kéo dài suốt quá trình thực hiện dự án của Tuồng Việt. Theo nhóm, thử thách là do nhóm chọn và cố gắng vượt qua để trở thành phiên bản tốt nhất của bản thân. Mặc dù, trong lúc làm việc, nhóm đôi khi có những ý kiến trái chiều, nhưng từ đó mà mỗi người có thể thể hiện cá tính và nhìn nhận nhau. Từ đó, cả nhóm tìm được điểm chung, xây dựng dự án hoàn thiện hơn.



❖ Cố gắng nào cũng được đền đáp.

Làm đồ án chưa bao giờ là dễ dàng đặc biệt là với kỳ đồ án đầu tiên trên chặng đường bước chân vào ngành công nghiệp thiết kế.

Suốt chặng đường của nhóm, có vất vả, có khó khăn, có mồ hôi và nước mắt, nhưng đó là một hành trình đẹp đẽ, đáng nhớ.

3.2. Một số sản phẩm thiết kế của tác giả

HỘI THẢO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN KHOA CNTT LẦN 1 NĂM 2024

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG THỜI ĐẠI 4.0



Hình 5. ứng dụng thiết kế trong lịch



Hình 6. Ứng dụng thiết kế vé xem nghệ thuật sân khấu sân khấu Tuồng (1)



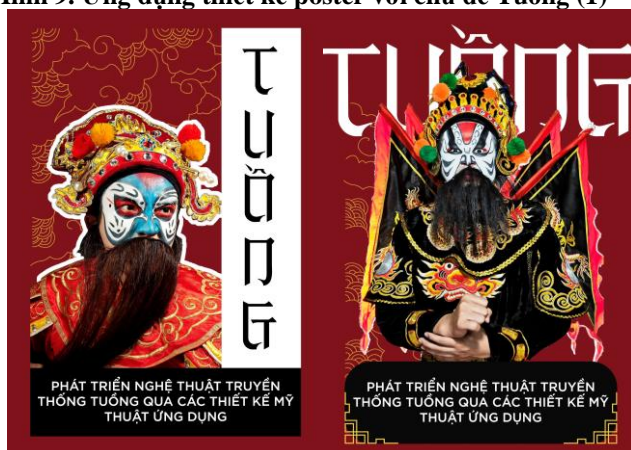
Hình 7. Ứng dụng thiết kế vé xem nghệ thuật sân khấu sân khấu Tuồng (2)



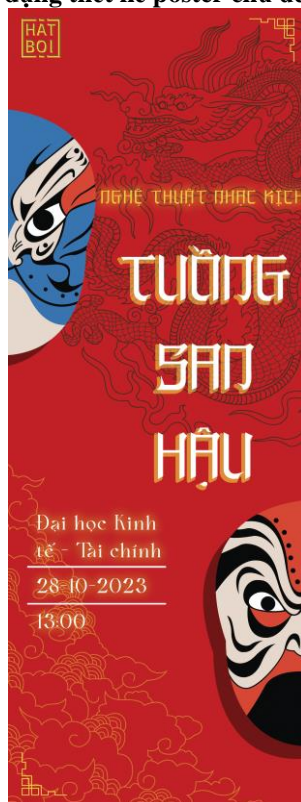
Hình 8. Ứng dụng thiết kế trong vé xem nghệ thuật sân khấu sân khấu Tuồng (3)



Hình 9. Ứng dụng thiết kế poster với chủ đề Tuồng (1)



Hình 10. Ứng dụng thiết kế poster chủ đề Tuồng (2)



Hình 11. Ứng dụng thiết kế standee với chủ đề Tuồng



Hình 12. Ứng dụng thiết kế móc khóa với chủ đề Tuồng



Hình 13. Mockup poster với chủ đề Tuồng



Hình 14. Mockup vé xem nghệ thuật sân khấu Tuồng

Sau khi tìm hiểu kỹ về Tuồng, chúng mình đã đưa ra những sản phẩm thiết kế với chủ đề nghệ thuật Tuồng này. Trọng tâm của các thiết kế là chủ thể nhân vật diễn nghệ thuật sân khấu Tuồng. Đây tất nhiên là điều quan trọng và vô cùng cần thiết của chủ đề, bởi nó thể hiện rõ cho người xem về hình ảnh lẫn ý nghĩa chủ đề mà chúng mình cần mang đến. Màu sắc chủ thể là màu đỏ, đây là một màu sắc mạnh mẽ, lại còn mang một nét vô truyền thống, sắc đỏ Việt Nam. Chúng mình sử dụng loại font chữ... vừa hiện đại, vừa mang nét truyền thống; vừa mới mẻ mà vừa cổ xưa, nhằm thu hút sự thích thú đối với thế hệ trẻ nói riêng và người xem nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bảo Châu Elec (2023), *Hát Tuồng là gì? Nguồn gốc từ đâu? Đặc điểm của nghệ thuật tuồng*.
- [2] Phạm Bích Huyền (2011), *ĐƯA NGHỆ THUẬT TUỒNG ĐẾN KHÁN GIẢ TRẺ* - dlib.huc.edu.vn
- [3] Tạp Chí con số Sự kiện (12/02/2020), *Nghệ thuật Tuồng cổ - Hồn phách dân tộc*
- [4] Trường ca kịch viện, *Giới thiệu về Tuồng*.